



**GUỜNG
KIÊN NHẫN**



WISDOM IS BETTER
THAN RUBIES

Bản quyền tiếng Việt © Công ty Cổ phần Sách MCBooks.

Theo hợp đồng Số 01/HĐSDQTG/2018 về sử dụng quyền tác giả đối với toàn bộ di sản văn hóa là các tác phẩm của nhà văn, dịch giả, nhà ngôn ngữ học, nhà giáo dục và văn hóa Nguyễn Hiến Lê.

Không phần nào trong xuất bản phẩm này được phép sao chép hay phát hành dưới bất kỳ hình thức hoặc phương tiện nào mà không có sự cho phép trước bằng văn bản của Công ty Cổ phần Sách MCBooks

**THƯƠNG HIỆU BIZBOOKS
SÁCH DÀNH CHO DOANH NHÂN**

Với mong muốn giúp bạn phát triển, doanh nghiệp của bạn thịnh vượng và trường tồn, BizBooks hi vọng được hợp tác cùng các tác giả trong và ngoài nước để chia sẻ những bài học thành công, những cuốn sách hay và chất lượng đến với độc giả Việt Nam.

Các tác giả viết sách có nhu cầu xuất bản xin vui lòng liên hệ với chúng tôi qua:

Email: contact@bizbooks.vn
Điện thoại: (024).3792.1466
(Bấm số máy lẻ 112 - Phòng Kế hoạch)

GƯƠNG KIÊN NHẪN

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến góp ý của Quý độc giả để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về nội dung sách: contact@bizbooks.vn
Liên hệ về bản thảo và bản dịch: contact@bizbooks.vn
Liên hệ hợp tác truyền thông trên sách: contact@bizbooks.vn
Liên hệ tư vấn, đại diện và giao dịch bản quyền: contact@bizbooks.vn

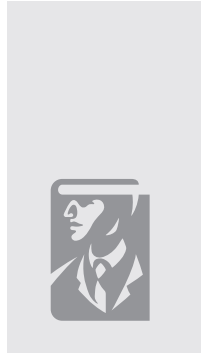
Nguyễn Hiến Lê

GU'ONG
KIEN NHAN



Nhà xuất bản Hồng Đức





LỜI GIỚI THIỆU TÁC GIẢ, DỊCH GIẢ NGUYỄN HIẾN LÊ

Ai yêu sách hẳn không còn lạ gì với cái tên học giả Nguyễn Hiến Lê - một nhà văn, nhà giáo, tác giả, dịch giả của hàng trăm đầu sách thuộc nhiều lĩnh vực như: Văn học, triết học, giáo dục, chính trị, kinh tế... Trong đó nhiều cuốn đã trở thành “Sách gối đầu giường” như Đắc Nhân Tâm, Quảng Gánh Lo Đi Và Vui Sống, Gương kiên nhẫn, Chiến Tranh Và Hoà Bình, Sử Ký Tư Mã Thiên, Bài Học Do Thái, Kinh Dịch...

Nguyễn Hiến Lê tự là Lộc Đình, sinh năm 1912, mất năm 1984, hưởng thọ 73 tuổi. Sẽ không ngoa khi gọi Nguyễn Hiến Lê là “tượng đài văn hoá”. Cả đời ông gần như dành trọn cho nghiệp viết. Trong hơn 30 năm cầm bút, ông đã xuất bản 120 bộ sách - con số gần gấp 1,5 lần tuổi đời của ông.

Viết nhiều nhưng Nguyễn Hiến Lê lại vô cùng cẩn trọng

và nghiêm túc. Năm 1968, khi dịch Chiến Tranh Và Hoà Bình, do tình hình chiến sự căng thẳng, ông đã chép tay trên giấy than thành 3 bản, một đưa cho nhà xuất bản, một cất ở nhà và một gửi về quê phòng khi thất lạc. Cũng vì cẩn trọng nên ông luôn ý thức được việc phải xin phép trước khi dịch tác phẩm. Trong hồi ký, Nguyễn Hiến Lê đã kể tỉ mỉ việc ông viết thư cho tác giả Dale Carnegie để xin dịch cuốn Đắc Nhân Tâm và trở thành người đầu tiên đưa tác phẩm giá trị này về Việt Nam. Đây là một trong những cuốn sách nổi tiếng nhất mọi thời đại, luôn đứng đầu danh sách bán chạy nhất, được dịch sang hầu hết các thứ tiếng và có ảnh hưởng làm thay đổi cuộc đời hàng triệu người trên thế giới.

Bắt đầu xuất bản ở Việt Nam từ năm 1951, Đắc Nhân Tâm nhanh chóng gây chú ý và trở thành “hiện tượng” trong ngành xuất bản khi liên tục được tái bản. Sức sống từ cuốn sách qua bản dịch của Nguyễn Hiến Lê đã ghi dấu ấn và có tầm ảnh hưởng lớn đến người đọc Việt bao thập kỷ qua. Bản thân cái tên “Đắc Nhân Tâm” là một sáng tạo đắt giá của Nguyễn Hiến Lê. Về sau các dịch giả khác đã dịch tác phẩm “How to win friends and Influence People” với những văn phong khác nhau nhưng vẫn đều sử dụng cái tên “Đắc Nhân Tâm” do Nguyễn Hiến Lê đặt bởi không có một cái tên nào khác có thể chuyển ngữ xuất sắc hơn.

Bên cạnh đó, phiên bản “Đắc Nhân Tâm” của Nguyễn Hiến Lê còn có thêm chương “Những bức thư màu nhiệm”, “Bảy lời khuyên để tăng hạnh phúc trong gia đình”, đặc biệt phần “Vài câu hỏi” được ông viết thêm vào cuối sách để độc giả có thể thực hành và tự tìm câu trả lời. Sau mỗi chương lại có phần tóm tắt để độc giả dễ hiểu, dễ thấm. Nguyễn Hiến Lê không phải là người duy nhất dịch “How

to win friends and Influence People” nhưng bản dịch của ông được đánh giá là súc tích nhất, toàn diện nhất và sắc sảo nhất.

Thế nên, trên các diễn đàn văn học, người đời vẫn truyền tai nhau: “Muốn thành công và hạnh phúc, hãy đọc Đắc Nhân Tâm, mà phải là Đắc Nhân Tâm của Nguyễn Hiến Lê”. Cái hay, cái khiến người đọc tâm đắc có lẽ ở chính cách sử dụng ngôn từ triết lý mà gần gũi của Nguyễn Hiến Lê.

Để có được những giá trị ấy, không chỉ bởi Nguyễn Hiến Lê đã tiếp xúc với tác giả, truyền tải được đúng “linh hồn” của bản gốc mà ông còn thổi vào đó nhân sinh quan của chính mình - nhân sinh quan của một hiền tài, một nhà nho, một nhà giáo, một vị học giả đáng kính.

Nguyễn Hiến Lê từng tự bạch: “Ghi được một vẻ đẹp của thiên nhiên, của tâm hồn, tả được một nỗi khổ của con người khiến cho đời sau cảm động, bấy nhiêu cũng đủ mang danh nghệ sĩ rồi”. Và với những gì ông để lại cho cuộc đời, Nguyễn Hiến Lê xứng đáng là một nghệ sĩ lớn trong lòng người đọc bao thế hệ ngày trước, ngày nay và cả ngày sau.

Như một sự tri ân sâu sắc đến ông, tôi tin rằng BIZBooks sẽ “Phục dựng” tủ sách Nguyễn Hiến Lê. Với mong muốn những cuốn sách có thể tiếp tục đồng hành cùng người Việt bao thế hệ, không chỉ với tinh thần của các tác giả thế giới mà còn với cốt cách của một Nguyễn Hiến Lê Việt Nam.

TS. Lê Thẩm Dương



HELEN KELLER

**Những người đã tạo ra
ánh sáng và âm thanh cho
những kẻ đui và điếc**

Một tấn thảm kịch và một cuộc chiến đấu ghê gớm trong cảnh tối tăm mù mịt

Mười năm trước, đọc tiểu sử của Helen Keller trong cuốn *Five minute biographies* của Dale Carnegie (*The world's work*–1949) tôi lấy làm lạ, sao một người đui, điếc và câm mà lại thông năm sinh ngữ, đậu một bằng cấp đại học, soạn mười cuốn sách và diễn thuyết khắp thế giới được. Tôi muốn tìm hiểu thêm về con người kỳ dị đó thì gần đây nhờ một bài báo trong tạp chí Hương Xa (số 36 năm 1960) tôi kiếm được hai cuốn tự truyện của bà: cuốn *Histoire de ma vie* (Payot–1950) và cuốn *Ma libératrice, Anne Sullivan Macy* (Payot–1956)⁽¹⁾. Đời của bà thật là một thảm kịch trong cảnh tối tăm mù mịt. Nhờ một óc thông minh siêu quần, nhất là nhờ một nghị lực ghê gớm – và cũng nhờ công một nhà giáo dục kiên nhẫn và đại tài, tức bà Anne Sullivan – Helen Keller đã thắng được những nghịch cảnh khốc liệt và để lại một tấm gương rực rỡ cho

1. *Bản tiếng Anh: Story of my life và Teacher Anne Sullivan Macy, attribute by the fosterchild of her mind.*

hậu thế, một tấm gương can đảm, anh hùng, hy sinh, yêu đời và giản dị. Có nhà phê bình bảo bà là một học sinh kỳ dị nhất cổ kim, một người được khắp thế giới kính mến. Ít người biết rằng bà đã lưu lại một sự nghiệp lớn cho nhân loại, có thể so sánh với sự nghiệp của bà Florence Nightingale, người đã hy sinh tính mạng, tài sản để săn sóc các bệnh nhân trong chiến tranh Crimée, vì Florence Nightingale đã cho nhân loại cái ý thức lập ra hội Hồng thập tự, thì Helen Keller cũng đã cho nhân loại cái ý thức lập ra một cơ quan quốc tế để giáo dục và giúp đỡ các người mù, điếc. Mà hoàn cảnh làm việc của Helen Keller khó khăn gấp trăm, gấp nghìn hoàn cảnh của Florence Nightingale.

*

Ta thử tưởng tượng một em bé mười chín tháng, mới bập bẹ được vài tiếng, đương vui vẻ khỏe mạnh thì mắc một bệnh nặng không ai biết là bệnh gì – có bác sĩ đoán là bệnh tinh hồng nhiệt (scarlatine), nhưng không chắc. Người nhà đã tưởng là chết, rồi thỉnh linh nóng lui, bệnh hết nhưng em đó hóa đui, điếc và do điếc mà hóa ra câm. Thế là định mệnh cay nghiệt đã xô em vào trong cánh tối tăm mênh mông. Em thành một hình ma, sống cũng như chết. “Đối với em, gió không còn thì thềm nữa, cảnh yên lặng hoàn toàn bao phủ tinh thần em, lan ra khắp vũ trụ ở chung quanh. Tâm hồn em hóa ra khô khan. Ít tiếng mà em đã bập

bẹ được bây giờ héo lằn đi. Mối em chỉ mảy máy được tiếng water (nước) mà em đọc là wah-wah. Mặt trời đã tắt, em không còn biết phương hướng gì nữa. Mắt em mờ thao láo trong một cõi hư vô bất biến.”

Tên em là Helen Keller. Era sinh ngày 27-6-1880 ở Alabama, tại miền Nam nước Mỹ, trong một gia đình trung lưu, cha là Athur Keller, làm báo, mẹ là Kate Adams. Tổ tiên em gốc gác Thụy Sĩ và mĩa mai thay, một ông tổ là vị giáo sư đầu tiên dạy những người điếc và câm ở Zurich.

Bẩm sinh ra nóng nảy và cương quyết, nên khi bỗng nhiên thấy mình đui và điếc, em phần uất lắm, vùng vàng đập phá. Nhưng dần dần em quen với cảnh tối tăm và yên lặng, rồi quên hết cả đời trước của mình. Gia đình em chán nản và thương hại em khi thấy em đưa tay ra sờ những vật ở chung quanh mà em không biết là vật gì, vì lúc đó em mới được 19 tháng. Sờ soạng mà đụng vật gì trên đường đi thì em gạt ra hết, nếu có thể làm được, làm cho đồ vật đổ vỡ lung tung.

Muốn phát biểu ý muốn gì em ra dấu: em chỉ biết *gật đầu, lắc đầu, vẫy lại, đẩy đi*. Phải một thời gian em mới biết ra dấu đòi ăn: lấy tay làm bộ cắt bánh và phết bơ. Mãi đến năm tuổi, em mới biết nhận quần áo của mình và gấp nó lại để cất đi. Em lờ mờ nhận ra rằng mình khác những người ở chung quanh; những lần ngồi trên lòng



người lớn, em sờ mặt họ, thấy môi mấp máy, đoán rằng họ có cách chuyện trò với nhau. Em bực mình vì không hiểu được họ; rồi cũng bắt chước mấp máy môi, cử động tay một cách hăng hái, nhưng không có kết quả gì cả, nổi giận lên, giậm chân thành thành, la hét đến khi mệt lử mới thôi. Mỗi ngày, gần như mỗi giờ, đều xảy ra những cơn điên như vậy, liên tiếp trong mấy năm.

Sau này, tả lại tình cảnh lúc đó, Helen Keller viết: “Tôi không có ý thức rằng mình biết một chút gì cả, cũng không biết rằng mình sống, mình hoạt động, mình muốn nữa. Không có ý chí, không có trí óc. Tôi muốn một vật nào đó hay có một hành vi nào đó là chỉ do cái bản năng thú vật thôi. Tôi có một bộ óc nó cho tôi cảm thấy giận dữ, thỏa mãn hay thèm muốn... Tôi chỉ nhớ được nhờ xúc giác. Tôi không bao giờ tính trước, lựa chọn một cái gì hết.”

Tóm lại, em không được bằng một con vật mà gần hoàn toàn như một cục đất.

*

Năm em sáu tuổi, cha em dắt em lại viện Perkins, một viện nuôi những trẻ đui và điếc, nhờ viện kiếm cho một cô giáo. Năm sau (1887), viện giới thiệu cho cô Anne Sullivan.

Đời cô Anne cũng trăm cay nghìn đắng. Năm tám tuổi

mồ côi mẹ; hai năm sau người cha bỏ bê các con, đem cô và một người em trai của cô giao cho một viện cứu bần ở Tewksberry (tiểu bang Massachusetts). Viện này chật chội quá, đến nỗi hồi đầu hai chị em phải ngủ trong nhà xác. Sáu tháng sau, em chết, cô thành cô độc. Tới năm mười bốn tuổi, cô gần hóa mù, người ta đưa cô tới viện Perkins, tại đó cô được nuôi nấng, dạy dỗ, đến năm hai mươi tuổi. Ít năm sau, cô nhận dạy em Helen cho ông bà Keller.

Ngày đầu, cô phải đối phó với một đứa học trò hoàn toàn rùng rú.

Helen từ trước quen ăn bốc. Cô bắt em ăn muỗng và gấp khăn ăn. Helen không nghe, kháng cự lại kịch liệt, gào lên như một con quỳ, đập chân, đập tay. Hai người vật lộn nhau, đĩa muỗng bay tứ tung. Cả nhà phải bỏ phòng ăn, đi ra ngoài. Helen vừa la, vừa cắn, ngắt cô Anne. Cô giằng ra được, kéo em về bàn ăn. Một giờ sau, Helen mới chịu thua, chịu dùng muỗng và gấp khăn ăn.

Rồi tới việc dạy chữ. Cũng lại phải chiến đấu liên tiếp hàng tháng. Có lần Helen kháng cự kịch liệt quá, vung tay đập mạnh, làm gãy hai cái răng của cô. Chưa bao giờ một nhà giáo gặp những hoàn cảnh khó khăn đến như vậy.

Một hôm cô đưa cho em một con bút bê rồi viết vào lòng bàn tay em chữ “bút bê”. Em thấy hay hay,

bắt chước, lấy ngón tay viết theo, thấy được, thích quá. Nhưng em không biết đó là một chữ, em chỉ thấy một cảm giác trên bàn tay và nhớ cách gọi lại được cảm giác đó, thế thôi. Làm sao cho em hiểu đó là một chữ được. Cho em thấy cái liên quan giữa cảm giác với con búp bê, thấy rằng cảm giác đó trở nên tên con búp bê? Mấy tuần sau em viết được chữ *binh* và *nước*, nhưng vẫn không phân biệt được *thế nào là cái binh, thế nào là nước*.

Mãi tới đúng một tháng sau khi bắt đầu học, Helen mới quan niệm được thế nào là nước. Hôm đó cô Anne dắt em lại máy bơm ở giếng nước, cho em cầm một cái bình rồi cô bơm nước vào bình. Khi nước tràn bình, làm ướt bàn tay Helen, thì cô viết chữ *nước* vào bàn tay kia của em. Và em bỗng hiểu ý nghĩa của tiếng *nước*. Một nụ cười hiện trên môi em! Cảm động quá, em nắm lấy tay cô ra dấu đòi biết tên tất cả những vật em sờ thấy. Tình thương giữa hai người bắt đầu nảy nở, và từ đó Helen chỉ dùng một tiếng cô để gọi ân nhân của mình. Đêm đó là đêm đầu tiên em thao thức, mong chóng sáng để học thêm. Em thấy rằng em không cô độc nữa vì em có thể trao đổi ý với người khác, đã có một dây liên lạc giữa em và vạn vật ở chung quanh, đã có một vài tia sáng trong thế giới mù tịt của em. Em cho rằng em sung sướng nhất đời. Em hăng hái học. Khi đã thuộc được một số danh từ rồi – *thuộc* nghĩa là sờ một vật rồi viết được lên lòng bàn tay cái tiếng

chỉ vật đó – em học một số tính từ và động từ. Chẳng hạn cô Anne cho em rờ một cái áo khi chưa ủi, viết vào bàn tay em chữ lạnh, đương lúc ủi, lại viết vào bàn tay em chữ nóng; cô dặt em đi, viết vào bàn tay em chữ đi; đặt em ngồi viết vào bàn tay em chữ ngồi.

Công việc khó nhất là làm cho em hiểu được những tiếng trừu tượng.

Hôm đó cô Anne ôm Helen, tỏ vẻ âu yếm rồi viết vào bàn tay:

– Cô yêu Helen.

Helen hỏi bằng dấu riêng:

– Yêu là thế nào?

Cô kéo em lại gần, đặt tay em lên tim em – lần đó là lần đầu tiên em thấy tim em đập – rồi bảo⁽¹⁾:

– Yêu ở đây.

Em lúng túng. Không hiểu nổi, đưa một cái bông lên mũi người rồi hỏi:

– Yêu, phải là hương thơm của bông không?

– Không.

1. Từ đây, muốn cho tiện, chúng tôi dùng những tiếng: *bảo, nói, hỏi, ngh...* nhưng xin độc giả nhớ rằng hai người vẫn dùng dấu hoặc viết trên lòng bàn tay nhau để chuyện trò với nhau.

Em lại suy nghĩ... Lúc đó mặt trời rực rỡ chiếu trên đầu. Em chỉ lên trời, hỏi:

– Phải cái đó không?

– Không.

Em rất ngạc nhiên, tại sao cô giáo không chỉ cho em được tình yêu.

Một hai ngày sau, em xỏ hột cườm cho cân đối nhau, cứ hai hột lớn đến ba hột nhỏ. Em lộn hoài và cô Anne kiên nhẫn sửa lại hoài. Thành linh đương xỏ em nhận thấy rằng mình lằm, suy nghĩ, tìm cách sửa lại. Cô Anne rờ trán em rồi viết vào bàn tay em chữ: *suy nghĩ*. Em hiểu ngay rằng chữ đó trả cái gì nó đương xảy ra trong đầu tiên em quan niệm được một ý trừu tượng. Em nhớ lại chữ yêu mà em vẫn chưa hiểu, hỏi thêm cô giáo, và lần này em quan niệm nổi nó là một cái gì không thể rờ được mà làm cho con người hóa vui vẻ, muốn gần gũi người khác.

Trước khi đó, Helen đã học viết: lấy ngón tay đưa theo những chữ khắc chìm trên gỗ (lối các cụ ta ngày xưa cho trẻ tập viết chữ nhỏ); học đọc bằng cách rờ những chữ nổi, và học đặt câu. Chẳng hạn muốn đặt câu *con búp bê nằm ở giường*, cô Anne đưa cho em những miếng giấy dày có những chữ nổi: Con–búp bê–nằm–ở–giường. Em lấy hai miếng có chữ con và búp bê đặt ở bên cạnh nó ba miếng

giấy có những chữ nằm ở giường.

Như vậy trong mấy năm, Helen mới tạm viết được, đọc được như một học sinh lớp năm của ta.

Tốn biết bao công phu cho cả thầy lẫn trò. Riêng Helen thấy vui như một trò chơi ú tim, vì mỗi bước tiến là khám phá thêm được một bí mật trong cái vũ trụ mù mịt chung quanh em. Nhờ vậy em mới quyết tâm học được; mà cũng nhờ vậy cô Anne không thất vọng trong công việc dạy dỗ, một công việc mà người khác coi là một cực hình.

Những năm sau, cô dạy thêm cho Helen học thơ, thơ của Longfellow, của Shelley, dạy tính bằng hột cườm, dạy sử ký, thực vật học, cả địa lý nữa, vì cô muốn đào tạo học trò cô thành một người có học thức cũng như mọi người khác. Về môn địa lý, cô phải làm lấy những bản đồ nổi để cho em hiểu thế nào là núi, sông, biết được hình thể trái đất và các nước trên thế giới.

Đã rờ mà biết mẫu tự la tinh rồi, Helen học thêm mẫu tự cho người câm và điếc, và năm thứ mẫu tự Braille cho người đui. Mở các tự điển Pháp hay Anh, bạn sẽ thấy hình những mẫu tự đó. Những người điếc và câm dùng ngón tay để ra dấu thành những chữ a, b, c, chẳng hạn nắm bàn tay lại là chữ a, xòe bốn ngón ra còn ngón tay cái gập vào lòng bàn tay là chữ b; chụm năm ngón

lại, đầu ngón cái chạm vào đầu ngón trỏ, là chữ o; xòe hai ngón trỏ và giữa thành hình chữ V, còn những ngón kia co lại, là chữ v...

Muốn “nghe” ai nói bằng mẫu tự đó, Helen đặt tay nhẹ vào bàn tay người “nói”, nghĩa là người dùng ngón tay để đánh vần, để làm những dấu chỉ a, b, c... Như vậy lâu thành quen, chỉ cần rời cử động của bàn tay, vị trí của ngón tay mà đọc được từng tiếng. Nói chuyện với nhau cách đó có thể nhanh bằng một người đánh máy có kinh nghiệm. Lớn lên, nhiều khi cô Helen tự nói với mình bằng những dấu đó, người ngoài không hiểu, trông thấy ngón tay cô cử động rất nhanh, liên tiếp tiếp, lấy làm lạ lắm.

Còn tự mẫu Braille gồm những chấm in nổi chẳng hạn:

: là chữ i .. là chữ c

. là chữ a :: là chữ g

Không rõ hiện nay lối mẫu tự đó đã được thống nhất chưa, chứ hồi đầu thế kỷ, có tới năm lối: lối của Đức, của Anh, của Mỹ... và cô phải học cả năm lối để có thể đọc được tất cả những sách in cho người đui ở Âu và Mỹ, như vậy kiến thức mới có thể rộng được.

Sau một thời gian cô thuộc tất cả những lối mẫu tự đó, và muốn học nói; công việc này khó khăn nhất, tốn công

cô Anne nhất. Ta nên nhớ cô điếc, không nghe được người khác và mình phát âm, như vậy thì họ nói cách nào? Lại phải dùng đến xúc giác và chỉ có thể dùng xúc giác được mà thôi. Chẳng hạn muốn học phát âm chữ O, cô để tay vào miệng và họng bà giáo, rờ nè nhẹ xem môi và họng của bà ra sao khi đọc âm đó, rồi cô bắt chước cử động môi và họng cho giống như vậy. Khi phát âm chữ O và chữ Ô, môi ta thay đổi vị trí, rờ có thể thấy được, phân biệt được; nhưng phát âm chữ p và chữ b, chữ ga và chữ ka, chữ đa và chữ ta thì vị trí môi không thay đổi, làm sao mà dùng xúc giác để phân biệt được? Đó là tôi mới kể qua một khó khăn trong cả trăm khó khăn khác. Cho nên công việc sửa giọng cho cô đòi hỏi một sự kiên nhẫn vô biên của bà Anne trong hằng năm trời. Rồi cuộc cô nói được, tất nhiên là lơ lớ, không đúng giọng, nhưng đủ để cho người khác hiểu.

Ngày thành công đầu tiên là ngày sung sướng nhất trong đời cô. Lúc đó cô đang đi du lịch với bà Anne, nóng lòng về nhà để được khoe với song thân. Khi xe lửa ngừng ở ga Tuscumbia, cả gia đình cô ra đón. Cô thốt lên được mấy tiếng chào cha mẹ, thì bà cụ ôm chầm lấy cô rồi cả hai rưng rưng nước mắt; còn ông cụ mừng quá đứng trân trân, không nói được một lời. Một phép màu đã hiện. Từ nay cô mới thật là con người. Đời cô đã biến đổi hẳn. Bà Anne đã tái tạo ra cô nhờ một nghị lực siêu quần. Suốt đời bà, ngày

nào bà cũng sửa giọng cho cô. Bà muốn cho cô thành một người như mọi người, hơn nữa phải thành một người hữu ích để sau này giúp đỡ những kẻ xấu số như bà, như cô, những kẻ cùng thuyền cùng hội: *điếc, đui, câm*.

Sau mười một buổi học, cô nói được câu: “*Tôi không câm nữa*”, và suốt ngày đó cô lặp đi lặp lại hoài câu đó, như một người điên. Nhờ để tay lên môi, lên họng để “nghe” nói như vậy mà sau cô “đọc” được trên môi của bất kỳ một người nào, lại nghe được âm nhạc, nghe được máy khâu thanh bằng cách đặt tay lên nhạc khí và máy. Tất nhiên cô không thể nghe như chúng ta nghe, nhưng cô có thể cảm được điệu du dương, điệu dồn dập của khúc nhạc.

*

Tiếp tục sự học

Nhưng muốn cho cô thành một người hữu dụng thì sự học không thể ngưng ở cái bực sơ đẳng đó. Năm 1893, Helen được 13 tuổi. Bà Anne và một vài giáo sư tận tâm khác dạy cô học lịch sử nước Mỹ, lịch sử Hi Lạp, La Mã và học tiếng Pháp; cô dùng một cuốn ngữ pháp Pháp in chữ nổi, trong đó có chỉ cách đọc. Rồi cô học thêm nhiều dụng ngữ, học cách đặt câu; nhờ có khiếu về sinh ngữ, một năm sau cô đã tạm thông tiếng Pháp, đọc được thơ ngụ ngôn